| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**<br>TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2024
*Về việc:* "*Tranh chấp ly hôn*"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Phạm T Mai

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Tám

***- Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 732/2023/HNST ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thu T, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: 230B đường L, Phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

*Bị đơn*: Ông Văn Đức Anh T1, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng: 20/9 đường T, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (số mới là 39/9 đường Thống Nhất, Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 02-10-2023, bản tự khai ngày 22-11-2023 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hoàng Thu T trình bày:*

Bà Hoàng Thu T và ông Văn Đức Anh T1 có thời gian tìm hiểu nhau và tiến tới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Thành, Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo vào ngày 01-8-1985 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng sống với nhau không được bao lâu thì khoảng cuối năm 1985 ông T1 tự ý bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không chở về. Từ khi ông T1 bỏ đi cho đến nay, bà T vẫn ở cùng cha mẹ tại số 230B đường Lê Lai (số cũ 226), Phường 4, thành phố Vũng Tàu. Do ông T1 bỏ đi đã lâu nên bà T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T1 mất tích để thực hiện quyền ly hôn, ổn định cuộc sống.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Ông T1 và bà T không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T1 và bà T chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Ông T1 đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 1985 đến nay, vợ chồng đã không gắn bó, không có sự quan tâm đến nhau đã lâu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Hoàng Thu T có đơn khởi kiện về "Ly hôn" với ông Văn Đức Anh T1, có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông Văn Đức Anh T1 và bà Hoàng Thu T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Thành, Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo vào ngày 01-8-1985 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, T1 trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng căn cứ vào Quyết định số 10/2023/QĐ-TA ngày 11-8-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc tuyên bố ông Văn Đức Anh T1 mất tích xác định, từ năm 2006 đến nay ông T1 không còn sinh sống tại địa phương và không rõ đi đâu, bà T đã tìm kiếm ông T1 bằng nhiều biện pháp nhưng không có kết quả. Như vậy, ông T1 và bà T đã có thời gian dài không chung sống với nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc từ thời điểm ông T1 bỏ đi nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Hoàng Thu T được miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 và Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 42 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử** :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thu T:

1. Về hôn nhân: Ông Văn Đức Anh T1 và bà Hoàng Thu T ly hôn.

2. Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Hoàng Thu T được miễn án phí theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND TP. Vũng Tàu;
-THADS TP. Vũng Tàu;
-UBND P3, TP.VT;
-Các đương sự
-Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm T Mai**